

Bản án số: 181/2022/DS-PT

Ngày: 02-8-2022

V/v: “*Tranh chấp di sản thừa kế, yêu
cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử
dụng đất*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Tự

Các Thẩm phán: Ông Đặng Kim Nhân

Ông Mai Xuân Thành

- Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Thị Trang, Thư ký Tòa án.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên
tòa:** Ông Nguyễn Thế vinh - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 80/2022/TBTL-TA ngày 18 tháng 5 năm 2022 về: “*Tranh chấp di sản thừa kế, yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 15/2022/DS-ST ngày 06/4/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình bị kháng cáo, kháng nghị.

Giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Hoàng Xuân H, sinh năm 1937

Địa chỉ: Tổ dân phố P, phường B, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình;

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Hà Nhật L -
Trợ giúp viên, Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Quảng Bình;

- Bị đơn: Ông Hoàng M, sinh năm 1960

Địa chỉ: số 153, đường L, phường Đ1, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Luật sư Vũ Xuân H1
và Luật sư Phạm Thị Huyền Tr - Đoàn Luật sư tỉnh Quảng Bình.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Bình;
2. Ủy ban nhân dân thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình;
3. Những người thừa kế quyền và nghĩa vụ của bà Hoàng Thị Th
- 3.1. Ông Nguyễn Công H2, trú tại: TDP 8, phường Đ2, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình;
- 3.2. Những người thừa kế quyền và nghĩa vụ của ông Nguyễn Công H3 (đã chết).
 - + Bà Trần Thị C
 - Địa chỉ: tổ dân phố 1, phường Đ1, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình;
 - + Chị Nguyễn Thị Lệ H4
 - Địa chỉ: tổ dân phố 6, phường Đ1, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình;
 - + Chị Nguyễn Thị H5 và anh Nguyễn Công H5
 - Cùng trú tại: TDP 1 phường Đ1, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình;
- 3.3. Những người thừa kế quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Nguyễn Công H6 (đã chết).
 - + Bà Đoàn Thị H7
 - Địa chỉ: phường Đ1, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình;
 - + Anh Nguyễn Công H8, chị Nguyễn Thị H9, anh Nguyễn Công H10;
 - Cùng địa chỉ: phường Đ1, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình;
 - + Chị Nguyễn Thị H11
 - Địa chỉ: phường N1, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình;
 - + Chị Nguyễn Thị H12
 - Địa chỉ: phường N1, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình;
4. Những người thừa kế quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Hoàng Mậu Đ3 (đã chết)
 - 4.1. Chị Hoàng Thị Kim C1
 - Địa chỉ: phường Đ1, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình;
 - 4.2. Ông Hoàng Văn P (đã chết) những người thừa kế quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông P:
 - + Bà Trần Thị N2, anh Hoàng Văn Q, anh Hoàng Văn Th và chị Hoàng Thị Ng1 V1
 - Cùng địa chỉ: số 29/1, đường Đ4, phường P1, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế;
 - + Chị Hoàng Thị Minh H12
 - Địa chỉ: phường Đ5, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình;
6. Những người thừa kế quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Hoàng Thị T1 (đã chết)
 - 6.1. Chị Lê Thị Thúy V1;
 - 6.2. Chị Lê Bích Ng;
 - 6.3. Anh Lê Xuân Kh;
 - 6.4. Anh Lê Xuân Ch;
 - 6.5. Anh Lê Xuân Tr;
 - 6.6. Anh Lê Thanh Th1;
 - Cùng địa chỉ: phường Đ1, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình;

7. Những người thừa kế quyền và nghĩa vụ tổ tụng của ông Hoàng Thanh T2 (đã chết).

7.1. Bà Trần Thị M1

7.2. Anh Hoàng T3, chị Hoàng Thị A1, chị Hoàng Thị Ng1, và anh Hoàng Văn K1

Cùng trú tại: Tổ dân phố 4, phường Đ1, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình;

8. Bà Hoàng Thị G

Địa chỉ: phường B, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình;

9. Bà Hoàng Thị H13

Địa chỉ: phường Đ1, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình;

10. Bà Hoàng Thị N3

Địa chỉ: số 3, đường L1, phường HT, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình;

11. Bà Nguyễn Thị T4 (hay còn gọi là Nguyễn Thị T5)

Địa chỉ: số 153, đường L, phường Đ1, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình

* **Người kháng cáo:** Nguyên đơn ông Hoàng Xuân H.

* **Viện kiểm sát kháng nghị:** Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa ông Hoàng Xuân H và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông H (viết tắt là nguyên đơn) trình bày:

Bố mẹ nguyên đơn là cụ Hoàng L2, chết năm 1979 và cụ Nguyễn Thị K, chết năm 1988. Hai cụ sinh được 10 người con gồm: Bà Hoàng Thị Th (đã chết), ông Hoàng Mậu Đ3 (đã chết), ông Hoàng Thanh T2 (đã chết), ông Hoàng Xuân H, bà Hoàng Thị Th2, bà Hoàng Thị T1, bà Hoàng Thị G, bà Hoàng Thị H13, bà Hoàng Thị N3 và ông Hoàng M. Hai cụ không nuôi con nuôi, không có con riêng. Hai cụ chết không để lại di chúc, di sản thừa kế hai cụ để lại gồm 01 nhà cấp 4 diện tích khoảng 50m², 01 nhà nhỏ (bếp) có diện tích 25m², 01 giếng nước tất cả các tài sản tọa lạc trên 520m² đất thừa đất số 42, tờ bản đồ số 50 phường Đ1, có địa chỉ: Số 133, đường HBT, phường Đ1, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình. Hai cụ chết không để lại di chúc. Năm 1990, vợ chồng ông Hoàng M về sinh sống tại ngôi nhà của hai cụ, vợ chồng ông M phá bỏ toàn bộ 02 nhà cũ và xây nhà mới có diện tích khoảng 60m² mà không thông qua ý kiến của các anh em trong gia đình, ông M xây nhà mới năm nào ông cũng không biết. Năm 1997 vợ chồng ông M cho người khác thuê để kinh doanh và ra sinh sống tại địa chỉ số 153, đường L, phường Đ1, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình. Năm 2020, biết tin vợ chồng ông M bán nhà “Từ đường” của gia đình để sang Úc định cư mà không thông qua ý kiến của anh em trong gia đình nên nguyên đơn khởi kiện đòi lại toàn bộ di sản thừa kế của bố mẹ để làm nơi thờ cúng, không yêu cầu chia thừa kế nhưng tại phiên tòa nguyên đơn thay đổi yêu cầu yêu cầu tòa án chia di sản thừa kế bằng hiện vật và hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (viết tắt

GCNQSDĐ) đã cấp cho vợ chồng ông Hoàng M tại thửa đất số 42, tờ bản đồ số 50 phường Đ1, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình.

Tại bản tự khai, biên bản hòa giải ông Hoàng M và người bảo vệ quyền , lợi ích hợp pháp cho ông M (viết tắt là bị đơn) trình bày:

Bị đơn nhất trí với trình bày của nguyên đơn về tên bố mẹ, năm chết và các con của bố mẹ. Bố mẹ bị đơn sinh sống tại thửa đất gần khu vực Tháp nước thuộc phường Đ6 hiện nay. Do chiến tranh hai cụ về ở tạm tại thửa đất số 42, tờ bản đồ số 50 phường Đ1 cho đến lúc chết, nhưng chưa được cấp có thẩm quyền giao đất và các loại giấy tờ liên quan thửa đất này (thửa đất hiện nay nguyên đơn đang yêu cầu chia thừa kế). Bố mẹ bị đơn chết không để lại di chúc, tháng 7 năm 1989 bị đơn về sinh sống trên thửa đất này (đất và nhà bị bỏ hoang không có người ở). Năm 1990, vợ chồng bị đơn xây lại nhà mới các anh chị em trong nhà ai biết và giúp đỡ, hàng năm đều đến giỗ bố mẹ, ông bà tại nhà bị đơn. Năm 2001, vợ chồng bị đơn được UBND tỉnh Quảng Bình cấp GCNQSDĐ, năm 2014 được cấp đổi lại GCNQSDĐ. Việc nguyên đơn yêu cầu hủy GCNQSDĐ của bị đơn và chia thừa kế thửa đất, bị đơn không đồng ý. Bởi lẽ, UBND thành phố Đ cấp GCNQSDĐ cho bị đơn theo đúng quy định, diện tích đất này là của bị đơn không phải là di sản thừa kế.

Bà Trần Thị M1 (là người thừa kế quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Hoàng Thanh T2, đã chết), bà Hoàng Thị N3, bà Hoàng Thị T1 là những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vụ án trình bày:

Nhất trí với trình bày của nguyên đơn, bị đơn về tên bố mẹ, năm chết và số con của và di sản thừa kế của cụ L2, cụ K; hai cụ chết không để lại di chúc, di sản hai cụ có nhà ở cấp 4, nhà nhỏ (nhà bếp) tại thửa đất số 42, tờ bản đồ số 50 phường Đ1. Sau khi hai cụ mất, anh chị em trong gia đình giao cho vợ chồng bà M1 quản lý và hương khói thờ phụng ông bà. Năm 1989 gia đình bị đơn từ Huế về, chưa có nhà ở nên các anh chị em trong gia đình cho vợ chồng bị đơn ở và hương khói thờ phụng cha mẹ. Bị đơn ở một thời gian thì làm nhà mới ra sát đường và phá bỏ nhà cũ của bố mẹ nhưng không thông báo với anh chị trong gia đình. Năm 2002, bị đơn chuyển gia đình về ở tại 153 đường L, phường Đ1. Nhà ở tại đường HBT, bị đơn cho thuê mỗi năm 60 triệu đồng. Tháng 2 năm 2020 biết tin bị đơn bán nhà, qua tìm hiểu gia đình được biết thửa đất từ đường của bố mẹ đã được cấp GCNQSDĐ cho bị đơn. Di sản của cụ L2, cụ K để lại là của 10 anh chị em trong gia đình. Vợ chồng bị đơn làm GCNQSDĐ nhưng không có ý kiến của anh chị em là không đúng, do đó những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đề nghị bị đơn trả lại đất cho 9 anh chị em để làm nhà thờ phụng bố mẹ. Nếu phải chia thì chia đất thành 10 phần để anh chị em góp đất lại làm nhà thờ chứ không chia bằng tiền.

Bà Hoàng Thị G, bà Hoàng Thị H13 là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trình bày:

Bà nhất trí với trình bày của nguyên đơn, bị đơn về tên bố mẹ, năm chết và số con của và di sản thừa kế của cụ L2, cụ K; hai cụ chết không để lại di chúc. Hai bà nhất trí khởi kiện của nguyên đơn về đòi lại nhà, đất của bố mẹ; hai bà xin nhận hiện vật để làm nơi thờ cúng.

Bà Hoàng Thị Kim C1, bà Nguyễn Thị Ch là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vụ án trình bày:

Bà C1 là con của ông Hoàng Mậu Đ3 (đã chết), còn bà Ch là cháu nội của cụ Hoàng L2, cụ Nguyễn Thị K. Hai bà nhất trí với trình bày của nguyên đơn, bị đơn về tên, năm chết và số con của và di sản thừa kế của cụ L2, cụ K; hai cụ chết không để lại di chúc. Theo bà Ch thì, năm 1975 khi bà được bố mẹ đưa ra quê thì cụ L2, cụ K có nhà tại thửa đất đang tranh chấp với diện tích khoảng 60m² và một nhà bếp diện tích 30m², tiện nghi sinh hoạt đầy đủ như nhà tắm, giếng nước. Khi hai cụ qua đời nhà để lại cho bị đơn quản lý sử dụng. Năm 1989 gia đình bị đơn từ Huế trở về, không có nơi ở nên ông T2 giao cho ông M ở và thờ phụng. Nay các bà nhất trí việc khởi kiện của nguyên đơn, nếu Tòa án chia thừa kế thì các bà xin nhận hiện vật để làm nơi thờ cúng ông bà.

Bà Nguyễn Thị T4 (vợ bị đơn) trình bày:

Tháng 7 năm 1989 vợ chồng bà về sống tại thửa đất số 42, tờ bản đồ số 50 phường Đ1, khi về ở được 6 ngày, thì bà Th ở bên cạnh nói rằng đất vợ chồng bà ở là của bà Th cho mượn tạm. Vợ chồng bà đã lên UBND phường tìm hiểu và được biết thửa đất này là đất UBND phường quản lý chưa giao cho người nào. Năm 1991 vợ chồng bà xây nhà, tường rào đổ bê tông vườn sống ổn định, không có tranh chấp đã hơn 31 năm; năm 2000 thửa đất được đo đạc và vợ chồng bà được cấp GCNQSDĐ lần đầu vào năm 2001. Quá trình sinh sống vợ chồng bà vẫn thờ phụng ông bà cha mẹ, việc nguyên đơn kiện chia thừa kế vợ chồng bà không đồng ý, vì đất vợ chồng bà đã được cấp GCNQSDĐ theo đúng quy định, các anh chị em trong gia đình đều biết, do đó diện tích đất của vợ chồng bà không phải là di sản thừa kế.

Anh Nguyễn Công H2, anh Lê Xuân Tr và anh Hoàng T3 là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vụ án trình bày:

Các anh là cháu của cụ L2, cụ K (Bố, mẹ các anh là con của của cụ L2, cụ K nhưng đã chết), các anh nhất trí các trình bày của nguyên đơn và nhất trí với việc buộc vợ chồng bị đơn trả lại nhà, đất của ông bà để làm nơi thờ cúng. Nếu Tòa án chia di sản thừa kế thì các anh xin nhận bằng hiện vật để làm nơi thờ cúng ông bà.

Ủy ban nhân dân thành phố Đ trình bày:

Ngày 11/9/2014 ông Hoàng M, bà Nguyễn Thị T4 nộp hồ sơ đăng ký biến động và cấp đổi GCNQSDĐ tại thửa đất số 42, tờ bản đồ số 50, phường Đ1 (thửa đất này được UBND tỉnh Quảng Bình cấp GCNQSDĐ lần đầu vào năm 2000, vào sổ 00153QSDĐ/13QĐ-UB ngày 13/02/2001 tại bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả của UBND thành phố). Căn cứ hồ sơ và biên bản thẩm định đăng ký biến động ngày 30/9/2014 của Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất thành phố, ngày 14/10/2014 UBND thành phố đã cấp đổi GCNQSDĐ vào sổ CH01956 cho ông M, bà T4 đối với thửa đất nói trên theo quy định. Trình tự, thủ tục đăng ký biến động, cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nói trên cho ông M, bà T4 được thực hiện theo đúng quy định tại Điều 76, Điều 85 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai. Từ khi cấp đổi GCNQSDĐ cho ông M, bà T4 đến nay, UBND thành phố không nhận được khiếu nại liên quan đến việc cấp GCNQSDĐ nói trên. Do vậy, đề nghị Tòa án xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

Tại Bản án số 02/2021/DS-ST ngày 25/01/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình đã quyết định:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Hoàng Xuân H về chia di sản thừa kế bằng giá trị quyền sử dụng đất thửa 42, tờ bản đồ 50 phường Đ1, thành phố Đ, cụ thể: Ông M được toàn quyền sử dụng thửa đất số 42, tờ bản đồ 50 phường Đ1, thành phố Đ nhưng có nghĩa vụ thanh toán giá trị bằng tiền cho chín đồng thừa kế khác gồm ông Hoàng Xuân H, bà Hoàng Thị Th, ông Hoàng Mậu Đ3, bà Hoàng Thị Th2, bà Hoàng Thị T1, ông Hoàng Thanh T2, bà Hoàng Thị G, bà Hoàng Thị H13, bà Hoàng Thị N3 mỗi người 151.049.000 đồng. Bà Th chết nên các con bà Th là ông Nguyễn Công H2, ông Nguyễn Công H3, ông Nguyễn Công H6 được hưởng mỗi người 151.049.000 đồng/3 người = 50.349.930 đồng. Ông H3 chết nên vợ con ông H3 gồm bà C, chị H12, chị Hà, anh Hiếu được hưởng phần ông H3 mỗi người 50.349.930 đồng/4 người = 12.587.484 đồng; Ông H6 chết nên vợ con ông H6 gồm: bà Đoàn Thị H7, anh Nguyễn Công H8, chị Nguyễn Thị H9, anh Nguyễn Công H10, chị Nguyễn Thị H11, chị Nguyễn Thị H12 được hưởng phần của ông H6, mỗi người 50.349.930 đồng/6 người = 8.391.656 đồng. Ông Hoàng Mậu Đ3 chết nên các con của ông Đ3 là Hoàng Thị Kim C1, Hoàng Thị H12, Hoàng Văn P mỗi người được hưởng 151.049.000 đồng/3 người = 50.349.930 đồng. Ông P chết nên vợ con ông P là bà Trần Thị N2, anh Hoàng Văn Q, anh Hoàng Văn Th, chị Hoàng Thị Ng1 V1 mỗi người được hưởng 50.349.930 đồng/4 người = 12.587.484 đồng. Ông Hoàng Thanh T2 chết nên vợ con ông T2 là bà Trần Thị M1, anh Hoàng T3, chị Hoàng Thị A1, chị Hoàng Thị Ng1, anh Hoàng Văn K1 được hưởng mỗi người 151.049.000 đồng/5 người = 30.209.800 đồng. Ông M, bà T4 được

hưởng công thù lao quản lý di sản 151.049.000 đồng và ông M được hưởng 151.049.000 đồng trong giá trị di sản là quyền sử dụng đất do cụ L2, cụ K để lại. Không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BU 596286 ngày 14/10/2014 do UBND thành phố Đ cấp cho ông Hoàng M, bà Nguyễn Thị T4 (T5) tại thửa đất số 42, tờ bản đồ 50 Phường Đ1, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình. Ngoài ra bản án còn tuyên buộc chi phí tố tụng, án phí vụ kiện và quyền kháng cáo.

Tại Bản án số 206/2021/DS-PT ngày 23/11/2021 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đã hủy toàn bộ Bản án số 02/2021/DS-ST ngày 25/01/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình. Chuyển hồ sơ cho Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình giải quyết lại vụ án.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 15/2022/DS-ST ngày 06/4/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình đã quyết định:

Căn cứ vào Điều 34, Điều 227, Điều 157, Điều 165 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Áp dụng Luật đất đai năm 1987; Điều 4 Pháp lệnh Thừa kế năm 1990; Điều 96, Điều 97, điểm a khoản 1 Điều 99, Điều 202 và Điều 203 Luật Đất đai năm 2013; khoản 1 Điều 247 Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 236 và khoản 1 Điều 623 của Bộ luật Dân sự năm 2015; tiết 4 điểm đ khoản 1 khoản 3 Điều 12, điểm a khoản 7 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm án phí, lệ phí Tòa án; xử:

Không chấp nhận khởi kiện của ông Hoàng Xuân H về việc yêu cầu chia thừa kế 446,1m² đất tại thửa đất số 42, tờ bản đồ số 50 phường Đ1, thành phố Đ và hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào sổ 00153QSĐĐ/13QĐ-UB ngày 13/02/2001 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Bình; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BU 596286 ngày 14/10/2014 của Ủy ban nhân dân thành phố Đ cấp đổi cho ông Hoàng M, bà Nguyễn Thị T4.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định về chi phí tố tụng, án phí, quyền kháng cáo và thi hành án theo quy định của pháp luật.

Kháng cáo:

Ngày 15/4/2022, nguyên đơn ông Hoàng Xuân H nộp đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn và hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho vợ chồng ông Hoàng M, bà Nguyễn Thị T4, chia di sản thừa kế bằng hiện vật.

Kháng nghị:

Ngày 29/4/2022, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng có Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 06/QĐ-VKS-DS đối với Bản án dân sự sơ thẩm số 15/2022/DS-ST ngày 06/4/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình, đề nghị Toà án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng sửa bản án sơ thẩm

theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện chia di sản thừa kế.

*** Tại phiên tòa phúc thẩm:**

Nguyên đơn ông Hoàng Xuân H giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn trình bày: thửa đất số 42, tờ bản đồ số 50 phường Đ1, diện tích 520m² có nguồn gốc của cụ L2, cụ K tạo lập; bản án sơ thẩm viện dẫn Luật Đất đai 1987 và Pháp lệnh Thừa kế 1990 để cho rằng thửa đất này không phải là di sản là không đúng vì Bộ luật Dân sự 2015 và Luật Đất đai 2013 quy định quyền sử dụng đất cũng là quyền tài sản và trở thành di sản thừa kế sau khi người có tài sản chết. Thửa đất số 42 là của cụ L2, cụ K nên việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Hoàng M là không hợp pháp. Do đó, yêu cầu chia thừa kế của nguyên đơn là có cơ sở, đề nghị chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, sửa bản án sơ thẩm, chia thừa kế bằng hiện vật thửa đất số 42 cho các đồng thừa kế.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn trình bày: thời điểm cụ L2, cụ K mất năm 1988, thửa đất tranh chấp chưa được Nhà nước công nhận và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên không có cơ sở pháp lý để xác định quyền sử dụng đất là di sản theo hướng dẫn tại Tiểu mục 1, Mục II – Nghị quyết 02/2004/NQ-HĐTP của Tòa án nhân dân tối cao. Bị đơn đã đăng ký quyền sử dụng đất, xác lập quyền tài sản, được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất một cách công khai, hợp pháp. Việc quản lý, sử dụng quyền sử dụng đất của gia đình bị đơn đã trên 30 năm, đủ điều kiện để xác lập quyền sử dụng đất hợp pháp theo quy định tại Điều 236 Bộ luật Dân sự 2015 nên thửa đất tranh chấp không còn là di sản. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo, kháng nghị, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng giữ nguyên kháng nghị và đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng nghị, chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, sửa bản án sơ thẩm, chia thừa kế bằng hiện vật, trường hợp không thể chia thừa kế bằng hiện vật đề nghị hủy bản án sơ thẩm để giải quyết lại.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Cụ L2, cụ K trước đây làm nhà ở sinh sống tại khu vực Tháp Nước thuộc phường Đồng Hải, thành phố Đ hiện nay. Khoảng năm 1965 đến năm 1966, do chiến tranh nên gia đình hai cụ chuyển đến sống trên thửa đất số 42, tờ bản đồ số 50 phường Đ1. Năm 1979 cụ L2 chết, năm 1988 cụ K chết, có để lại 01 nhà cấp 4 bằng gỗ rộng khoảng 50m², 01 nhà nhỏ (bếp) rộng khoảng 25m², 01 giếng nước và công trình phụ trợ khác; quá trình sử dụng đất, hai cụ không

có giấy tờ về đất, không kê khai đăng ký và cũng chưa được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

[2] Tháng 7 năm 1989, vợ chồng ông Hoàng M từ Huế chuyển về Đ công tác, không có chỗ ở nên được các anh chị em trong gia đình đồng ý cho về ở tại nhà bố mẹ tại thửa đất số 42, tờ bản đồ số 50 phường Đ1. Năm 1991, vợ chồng ông Hoàng M phá bỏ nhà cũ, xây dựng nhà mới; anh chị em trong gia đình không ai có ý kiến phản đối. Quá trình sử dụng đất, năm 1993 bị đơn được UBND phường Đ1 quy chủ đối với diện tích đất này tại Sổ đăng ký ruộng đất (bút lục số 322); năm 2000 vợ chồng bị đơn kê khai và được các cấp xét duyệt công khai hồ sơ đăng ký đất đai (bút lục 33), năm 2001 vợ chồng bị đơn được UBND tỉnh Quảng Bình cấp GCNQSDĐ lần đầu, theo Quyết định số 13/QĐ-UB ngày 13/02/2001 (bút lục số 26); ngày 14/10/2014 vợ chồng bị đơn được UBND thành phố Đ cấp đổi lại GCNQSDĐ số BU 596286 (bút lục số 41).

[3] Như vậy, mặc dù thửa đất tranh chấp có nguồn gốc của cụ L2, cụ K nhưng hai cụ không có giấy tờ về đất, chưa kê khai đăng ký; sau khi cụ L2, cụ K mất vợ chồng ông Hoàng M được các đồng thừa kế đồng ý cho về ở và sinh sống trên diện tích đất từ tháng 7 năm 1989; năm 1991 xây dựng lại nhà ở mới, năm 1993 được quy chủ đối với diện tích đất đang sử dụng tại thửa đất số 42, tờ bản đồ số 50 phường Đ1; năm 2001 được UBND tỉnh Quảng Bình cấp GCNQSDĐ; năm 2014, được UBND thành phố Đ cấp đổi GCNQSDĐ. Việc vợ chồng ông Hoàng M về ở và sinh sống trên 30 năm tại thửa đất số 42, tờ bản đồ số 50 phường Đ1, xây dựng nhà ở kiên cố, kê khai đăng ký và được cấp GCNQSDĐ; các đồng thừa kế đều biết, đồng ý và không có ý kiến phản đối hay tranh chấp cho thấy về ý chí, các đồng thừa kế đã thừa nhận quyền sử dụng đất của ông Hoàng M. Mặt khác, theo qui định tại khoản 1 Điều 247 Bộ luật Dân sự năm 2005, (nay là Điều 236 Bộ luật Dân sự năm 2015) về việc xác lập quyền sở hữu theo thời hiệu: *“Người chiếm hữu, người được lợi về tài sản không có căn cứ pháp luật nhưng ngay tình, liên tục, công khai trong thời hạn 10 năm đối với động sản, 30 năm đối với bất động sản thì trở thành chủ sở hữu của tài sản đó, kể từ thời điểm bắt đầu chiếm hữu...”*. Vợ chồng ông Hoàng M đã sinh sống tại thửa đất này trên 30 năm, không ai có ý kiến phản đối hay tranh chấp nên có căn cứ xác lập quyền sử dụng đất theo thời hiệu cho vợ chồng ông Hoàng M.

[4] Do đó, thửa đất nêu trên không còn là di sản nên việc nguyên đơn ông Hoàng Xuân H khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế 520m² đất (thẩm định thực tế có 446,1m² đất) của cụ L2, cụ K tại thửa đất số 42, tờ bản đồ số 50 phường Đ1 là không có căn cứ.

[5] Việc nguyên đơn cho rằng các anh chị trong gia đình không phản đối vì không biết việc ông Hoàng M phá bỏ nhà cũ xây dựng nhà mới và kê khai đăng ký về đất là không hợp lý vì các đồng thừa kế cùng sinh sống tại địa phương nơi có thửa đất tranh chấp và chủ trương kê khai để cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại địa phương là công khai cho nhiều hộ dân.

[6] Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về chia thừa kế và yêu cầu hủy GCNQSDĐ cấp cho vợ chồng bị đơn là có căn cứ. Do đó, không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn ông Hoàng Xuân H và kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

[7] Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng Luật Đất đai 1987 và Pháp lệnh Thừa kế 1990 để giải quyết vụ án là áp dụng pháp luật không đúng. Từ khi có Luật Đất đai 1993, quyền sử dụng đất cũng được xem là quyền tài sản và người sử dụng đất có quyền để lại thừa kế sau khi chết. Do đó, quan điểm của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng pháp luật không chính xác là có cơ sở. Tuy nhiên, theo phân tích ở mục [3], thừa đất số 42 không còn là di sản nên không chấp nhận yêu cầu chia thừa kế.

Vì các lẽ trên;

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 1 Điều 247 Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 236 và khoản 1 Điều 623 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án;

Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn ông Hoàng Xuân H;

Không chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng;

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 15/2022/DS-ST ngày 06/4/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình;

Án phí dân sự phúc thẩm:

Ông Hoàng Xuân H là người cao tuổi được miễn án phí dân sự phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Quảng Bình;
- Cục THADS tỉnh Quảng Bình;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HSVA, PHCTP, LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Lê Tự